Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3002.12.90

Mã HS	3002.12.90
Mô tả hàng hóa	Máu người; máu động vật đã điều chế dùng cho chữa bệnh, phòng bệnh hoặc chẩn đoán bệnh; kháng huyết thanh, các phần phân đoạn khác của máu và các sản phẩm miễn dịch, có hoặc không được cải biến hoặc thu được từ quy trình công nghệ sinh học; vắc xin, độc tố, vi sinh nuôi cấy (trừ các loại men) và các sản phẩm tương tự; tế bào nuôi cấy, có hoặc không cải biến / - Kháng huyết thanh, các phần phân đoạn khác của máu và các sản phẩm miễn dịch, có hoặc không cải biến hoặc thu được từ quy trình công nghệ sinh học: / - - Kháng huyết thanh và các phần phân đoạn khác của máu: / - - - Loại khác
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	09/11/2026 23:30:54
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/30021290/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4537
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4537
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4537
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4457
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4418
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4418
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4418
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4418
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4418
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4418
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4456
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4456
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4456
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4456

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4456
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4456
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4460
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4460
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4460
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4460
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4460
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4460
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4460
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4424
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4420
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4420
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4420
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4420
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4420
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4420
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4420
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4420
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4420
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4420
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4420
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4420
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4467
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4467
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4467
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4467

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4467
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4467
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4464
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4464
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4464
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4464
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4464
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4464
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D591
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E591
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4472
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4472
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4472
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4472
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4472
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4472
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4443
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4443
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4443
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4443
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4443
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4443
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4445
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4445
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4445
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4445

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4445
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4445
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4443
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4443
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4443
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4443
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4443
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4443
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4443
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4464
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4464
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4464
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4464
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4464
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4464
RCEP B	2022	2022	0	B!D4464
RCEP B	2023	2023	0	B!E4464
RCEP B	2024	2024	0	B!F4464
RCEP B	2025	2025	0	B!G4464
RCEP B	2026	2026	0	B!H4464
RCEP B	2027	2027	0	B!I4464
RCEP C	2022	2022	0	C!D4464
RCEP C	2023	2023	0	C!E4464
RCEP C	2024	2024	0	C!F4464
RCEP C	2025	2025	0	C!G4464
RCEP C	2026	2026	0	C!H4464

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4464
RCEP D	2022	2022	0	D!D4464
RCEP D	2023	2023	0	D!E4464
RCEP D	2024	2024	0	D!F4464
RCEP D	2025	2025	0	D!G4464
RCEP D	2026	2026	0	D!H4464
RCEP D	2027	2027	0	D!I4464
RCEP E	2022	2022	0	E!D4467
RCEP E	2023	2023	0	E!E4467
RCEP E	2024	2024	0	E!F4467
RCEP E	2025	2025	0	E!G4467
RCEP E	2026	2026	0	E!H4467
RCEP E	2027	2027	0	E!I4467
RCEP F	2022	2022	0	F!D4464
RCEP F	2023	2023	0	F!E4464
RCEP F	2024	2024	0	F!F4464
RCEP F	2025	2025	0	F!G4464
RCEP F	2026	2026	0	F!H4464
RCEP F	2027	2027	0	F!I4464
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4108
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4108
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4108
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4108

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3002.12 có 2 dòng thuế; dòng 3002.12.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	3002.12.10 Kháng huyết thanh; dung dịch đạm huyết thanh; bột hemoglobin	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3002.12.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3002.12.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4537), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.